TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT
Ngày 13 - 02 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Trần Bá Kha

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Út Nh, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp HL, xã NH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm: 1935**.** Địa chỉ: Ấp HL, xã NH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Huỳnh Út Nh trình bày:

Ngày 16/01/2013, ông Lê Văn L có mở một dây hụi mùa 5.000.000 đồng, do ông L làm chủ hụi. Mỗi năm xổ hụi ba lần theo các vụ lúa: Đông - Xuân, Xuân -

Hè, Hè - Thu (bốn tháng xổ hụi một lần), có 15 thành viên tham gia, trong đó anh có tham gia một phần.

Tính đến tháng 11/2014, anh đã góp hụi sống được 08 lần, nhưng không nhớ số tiền đã góp từng lần là bao nhiêu. Sau đó, ông L thông báo có một số hụi viên đã hốt hụi, nhưng không đóng hụi chết mà bỏ địa phương đi nơi khác, nên ông L tuyên bố bể hụi.

Sau khi bể hụi, giữa anh và ông L có thỏa thuận kết toán nợ với nhau. Ông L thừa nhận còn nợ anh tổng cộng 40.000.000 đồng. Ông L trả cho anh được 2.500.000 đồng, đồng thời hai bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cho hai người gồm:

- Phần nợ chị ruột anh là bà Huỳnh Thị L thiếu ông L: 16.000.000 đồng;

- Phần nợ bà Nguyễn Phương H thiếu ông L: 2.000.000 đồng;

Tổng cộng ông L đã thanh toán 20.500.000 đồng, còn nợ 19.500.000 đồng.

Bà L và bà H cũng đồng ý trả nợ cho anh. Đến nay bà L đã trả được 11.000.000 đồng, còn bà H chưa trả. Các bên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần này.

Riêng phần ông L nợ, thì ông L hứa hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Xét thấy không thể thương lượng được nữa, nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L phải trả cho anh số tiền 19.500.000 đồng còn thiếu, anh không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L yêu cầu giảm nợ 10.000.000 đồng, anh không đồng ý với lý do: Tiền lãi hụi do hụi viên chịu, ông L không bỏ tiền ra để trả lãi. Quá trình góp hụi, ông L đã góp đủ tiền hụi của hụi viên. Hơn nữa, số tiền nợ hụi ông L để kéo dài không trả đã gây thiệt hại cho anh.

Bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Ông xác định việc nguyên đơn trình bày về nội dung thỏa thuận chơi hụi, thời gian chơi hụi và quá trình thực hiện hợp đồng như trên là hoàn toàn đúng.

Ông cũng thừa nhận còn nợ anh Nh 19.500.000 đồng, nhưng do hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, một số hụi viên sau khi hốt hụi đã bỏ địa phương đi không đóng hụi chết, nên ông không có tiền để trả cho anh Út Nh. Trước đây, ông cũng đồng ý trả cho anh Út Nh 19.500.000 đồng, nhưng khi nào ông nhận được tiền hụi của hụi viên còn thiếu thì sẽ trả cho anh Út Nh, việc này anh Út Nh cũng đồng ý. Nay anh Út Nh khởi kiện đòi 19.500.000 đồng, thì ông không đồng ý, vì số tiền vốn gốc của anh Út Nh bỏ ra góp hụi chỉ có 19.250.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu anh Út Nh giảm 10.000.000 đồng, còn lại ông sẽ thanh toán 9.500.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Buộc ông Lê Văn L phải trả cho ông Huỳnh Út Nh số tiền hụi còn thiếu là 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/10/2018, bị đơn ông Lê Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử giảm 14.500.000 đồng, còn 5.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, anh Huỳnh Út Nh không đồng ý với kháng cáo của ông L, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Lê Văn L và anh Huỳnh Út Nh, sau khi bể hụi có thỏa thuận kết toán nợ với nhau. Ông L thừa nhận còn nợ anh Út Nh số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng và các bên cũng thừa nhận có việc chuyển giao nghĩa vụ với bà Huỳnh Thị L và bà Nguyễn Phương H, nên ông L còn nợ anh Út Nh số tiền 19.500.000 đồng. Ông L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử giảm 14.500.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho anh Út Nh. Việc kháng cáo của ông L, một lần nữa khẳng định ông L còn thiếu lại anh Út Nh 19.500.000 đồng.

Tuy nhiên, việc ông L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm số tiền 14.500.000 đồng, nhưng ông L không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Mặc khác, việc này cũng không được anh Út Nh chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo thuận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông Lê Văn L là người cao tuổi, nên được miễn án phí sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Út Nh được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Út Nh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do ông Lê Văn L là người cao tuổi, nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Buộc ông Lê Văn L phải trả cho ông Huỳnh Út Nh số tiền hụi còn thiếu là 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn L được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả cho anh Huỳnh Út Nh số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 480.000đ *(Bốn trăm tám mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007153 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện GR;
- THA dân sự huyện GR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi